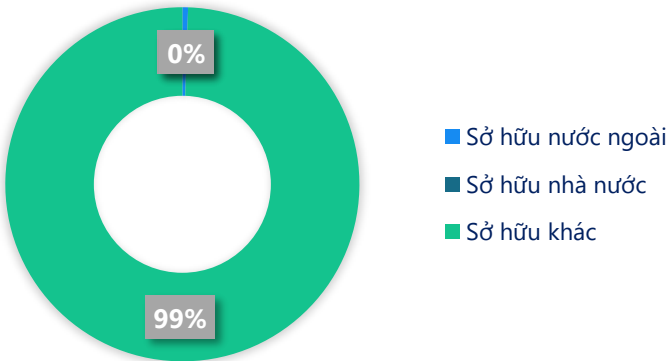


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		5,500
SL cổ phiếu LH		45,133,300
KLGD BQ 20 phiên (CP)		98,305
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		257
P/E		-175.1
EPS		-33

	YTD	1T	3T	6T
VIG	0.0%	-1.7%	-18.6%	-12.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

Q4/25
Q3/25
Q2/25
Q1/25
Q4/24



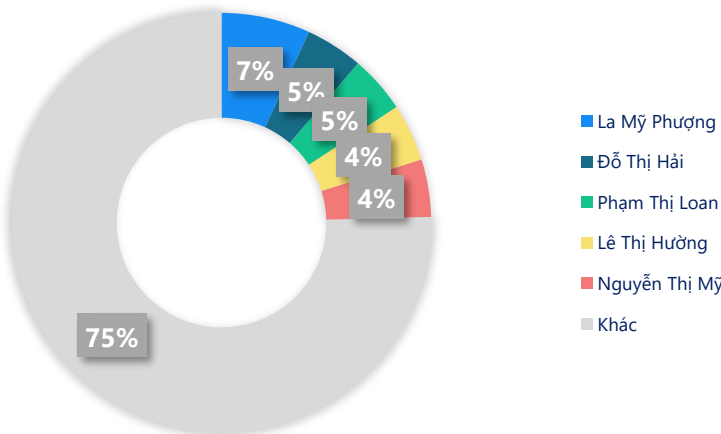
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)

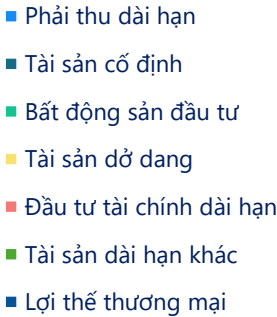
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

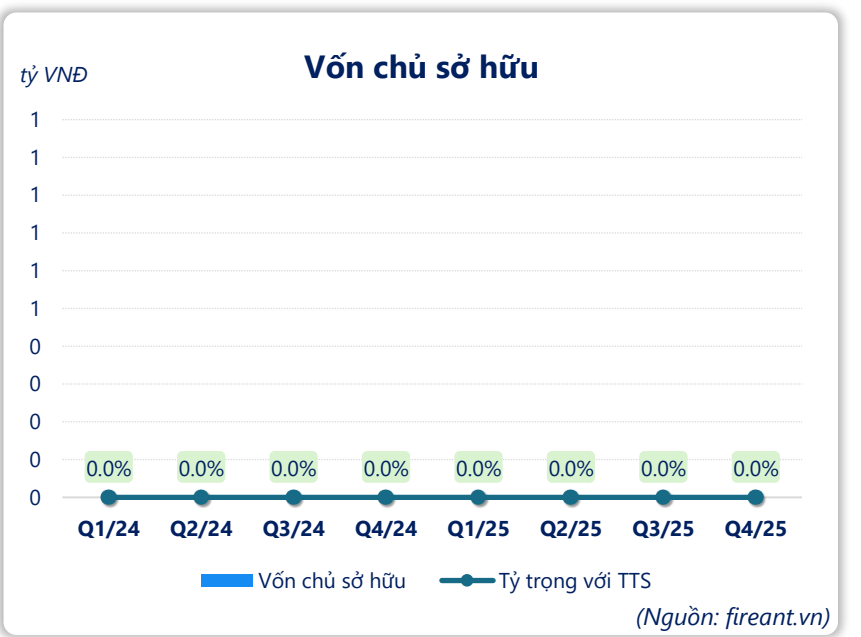
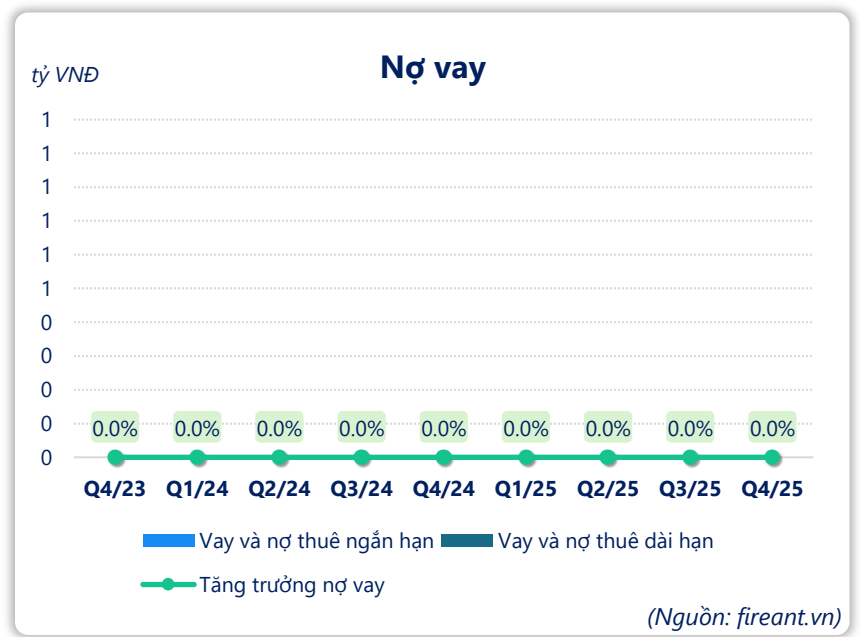
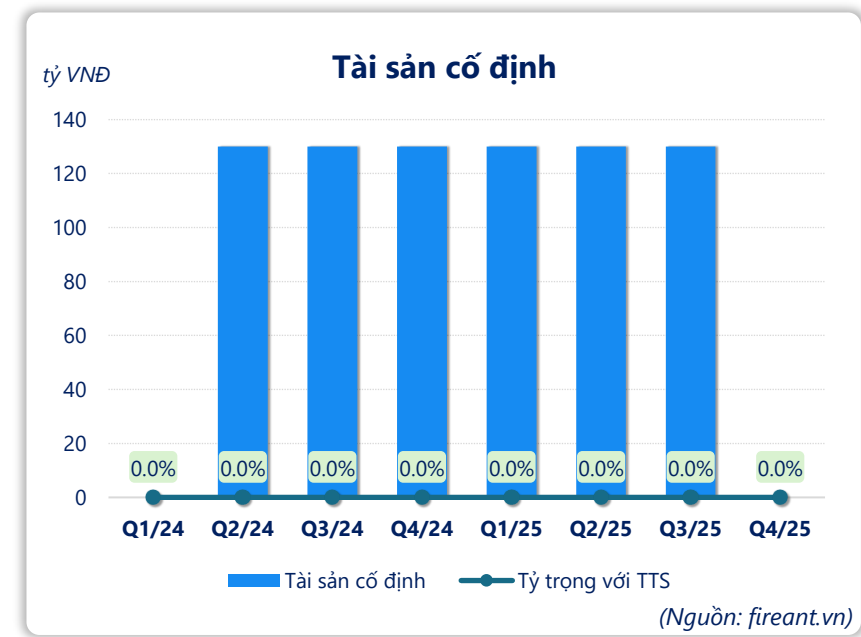
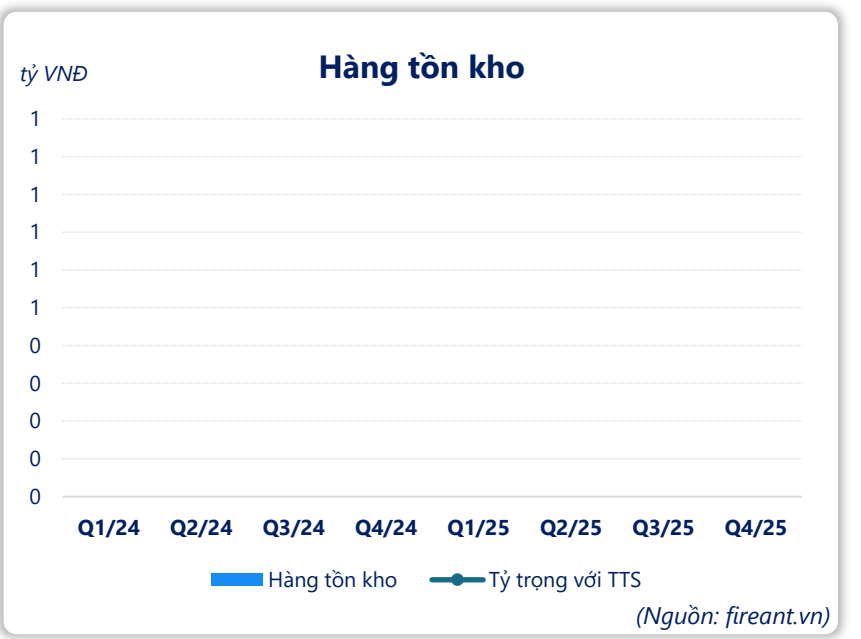
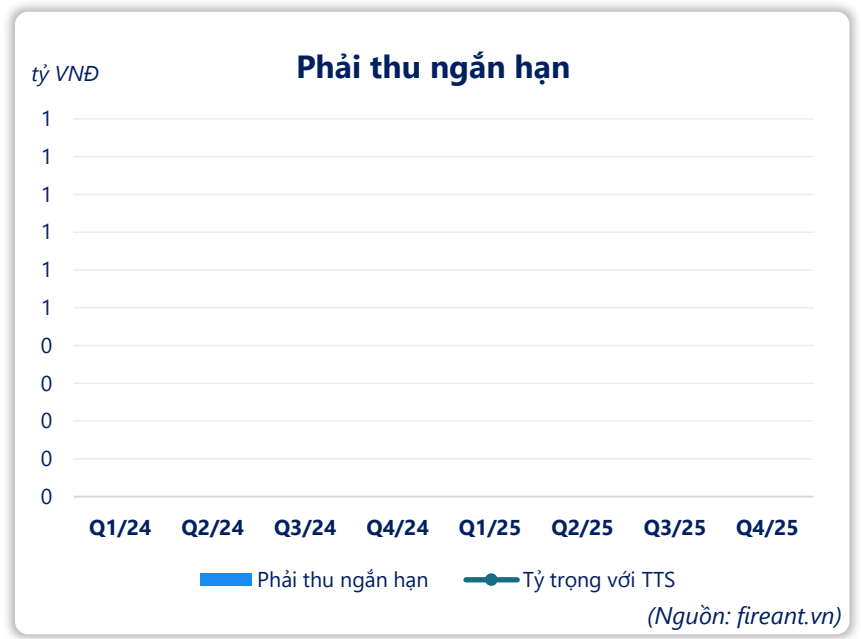
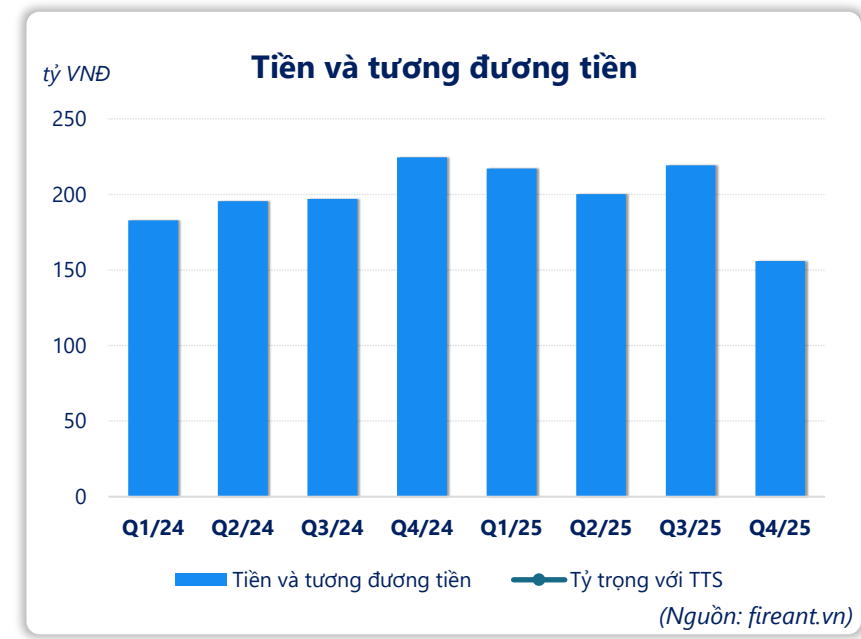
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

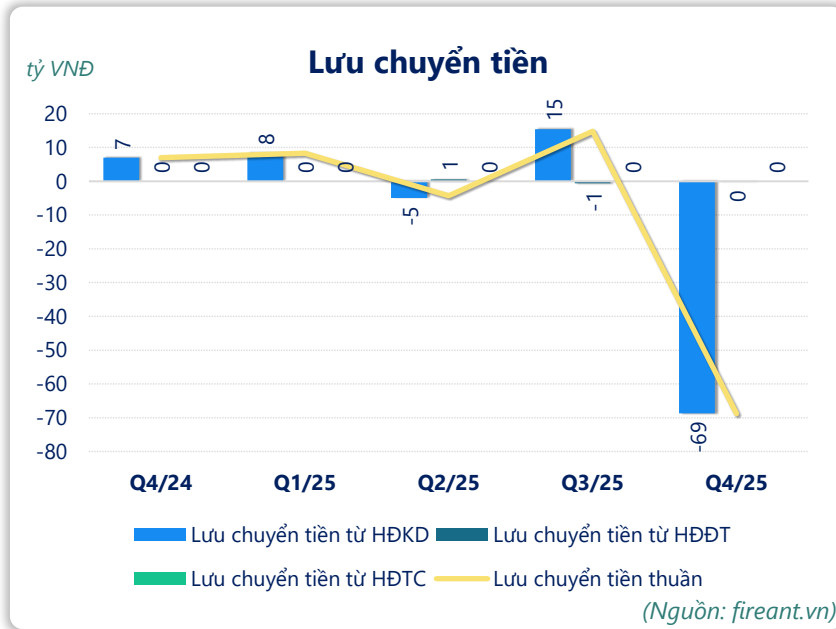
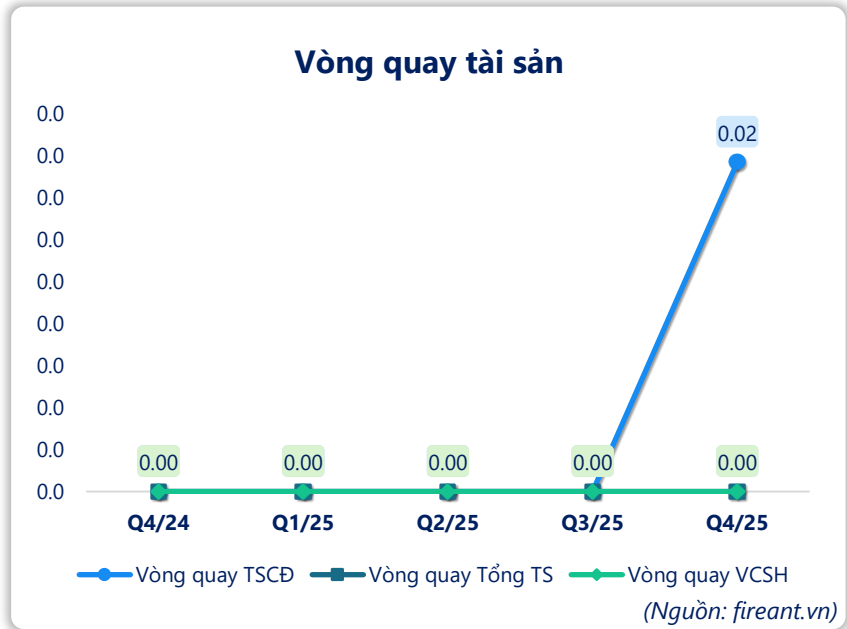
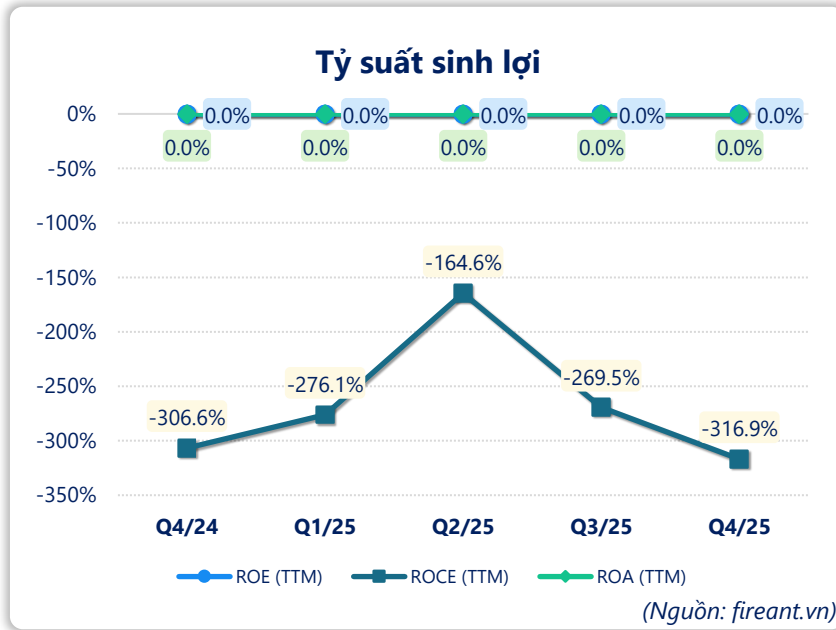
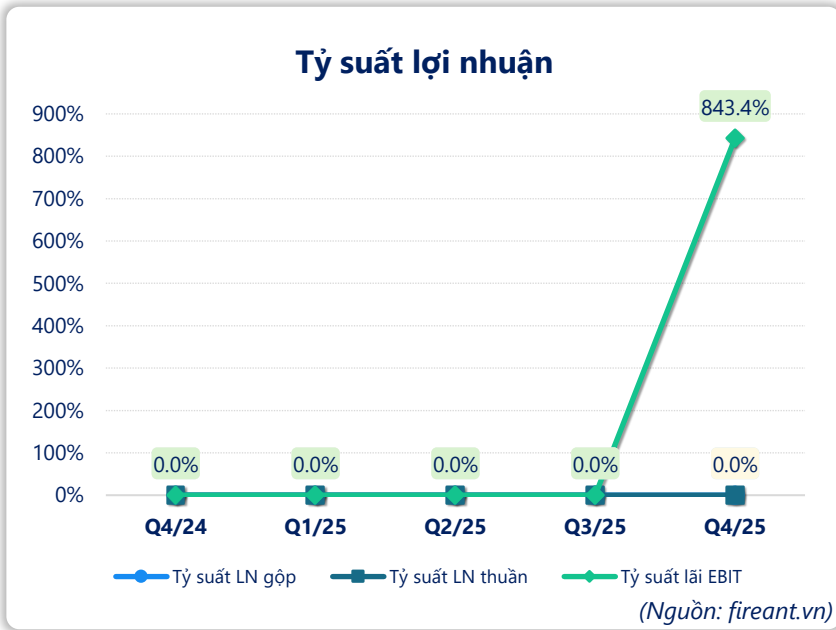
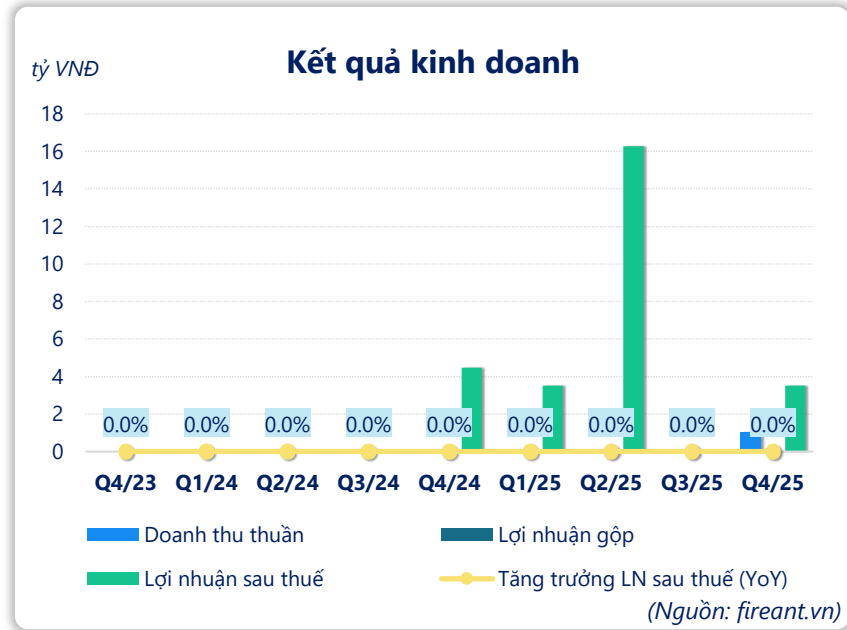
0.000%



Q4/25

(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	216	225	-3.9%
Tiền và tương đương tiền	156	225	-30.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	40.0	-100%
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	0.45	0.56	-19.5%
Phải thu dài hạn	60.0	0.02	300140%
Tài sản cố định	0	130	-100%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	9.84	9.84	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.19	0.16	14.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	8.35	16.6	-49.6%
Nợ ngắn hạn	8.35	16.6	-49.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	0	0	0	0	1.02
Giá vốn hàng bán	0	0	0	0	2.55
Lợi nhuận gộp	0	0	0	0	0
Doanh thu HĐTC	3.93	3.02	3.48	3.77	2.95
Chi phí TC	0	0	0	0	0.00
Chi phí lãi vay	1.14	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.52	0.51	0.49	0.04	0.06
Chi phí QLDN	0	0	0	0	0
LN thuần từ HĐKD	0	0	0.15	0	0
Lợi nhuận khác	0.48	0.36	0.09	13.1	1.98
LN trước thuế	6.20	3.97	4.33	22.5	8.60
Lợi nhuận sau thuế	4.47	3.51	16.3	0	3.51
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	7.00	8.36	-4.91	15.4	-68.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0.59	-0.59	-0.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	43.2	50.2	58.5	54.2	69.0
Lưu chuyển tiền thuần	7.00	8.36	-4.32	14.8	-68.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	50.2	58.5	54.2	69.0	0.24

(Nguồn: fireant.vn)